Bài 2.　选择恰当的宾语。(chọn tân ngữ thích hợp cho động từ)

（1）

学习：

A. 水果
B. 英语
C. 常常
D. 照片

（2）

住：

A. 宿舍
B. 参观
C. 旅行
D. 大夫

（3）

吃:

A. 衣服
B. 米饭
C. 北京
D. 生词

(4)

喝:

A. 水
B. 顺便
C. 电影
D. 游泳

(5)

买:

A. 自行车
B. 音乐
C. 外国
D. 上网